

Bản án số: 43/2025/HS-ST
Ngày 25-9-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Quang Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Minh Tâm.

Bà Lục Thị Tuyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà La Thị Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Cao Bằng tham gia phiên tòa: Ông Nông Văn Thiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 22/2025/TLST-HS ngày 05 tháng 9 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2025/QĐXXST - HS ngày 12 tháng 9 năm 2025 đối với bị cáo:

1. Nông Văn T (tên gọi khác: không), sinh ngày 16 tháng 11 năm 1990 tại xã Đ, tỉnh Cao Bằng.

Nơi đăng ký thường trú và nơi ở hiện nay: Xóm N, xã Đ, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 6/12 phổ thông; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nông Văn S, sinh năm 1962 và bà Đinh Thị S1, sinh năm 1963; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không có.

Bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/5/2025 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Phân Trại tạm giam T, Trại tạm giam Công an tỉnh Cao Bằng; có mặt.

2. Hoàng Văn K (tên gọi khác: không), sinh ngày 05 tháng 10 năm 1999 tại xã Đ, tỉnh Cao Bằng.

Nơi đăng ký thường trú và nơi ở hiện nay: Xóm N, xã Đ, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12 phổ thông; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Hoàng Văn D, sinh năm 1977 và bà Lương Thị L, sinh năm 1978; vợ: Triệu Thị Kiều T1, sinh năm 1999; con: Có 02 con; tiền án, tiền sự: Không có.

Bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/5/2025 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Phân Trại tạm giam T, Trại tạm giam Công an tỉnh Cao Bằng; có mặt.

3. Nông Văn T2 (tên gọi khác: không), sinh ngày 08 tháng 12 năm 1987 tại xã Đ, tỉnh Cao Bằng.

Nơi đăng ký thường trú và nơi ở hiện nay: Xóm B - Khu Ổ, xã Đ, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12 phổ thông; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nông Văn H, sinh năm 1963 và bà Nông Thị T3, sinh năm 1964; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không có.

Bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/5/2025 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Phân Trại tạm giam T, Trại tạm giam Công an tỉnh C; có mặt.

4. Nông Văn B (tên gọi khác: không), sinh ngày 03 tháng 3 năm 1989 tại xã Đ, tỉnh Cao Bằng.

Nơi đăng ký thường trú và nơi ở hiện nay: Xóm N, xã Đ, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12 phổ thông; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nông Văn Q, sinh năm 1962 và bà Nông Thị M, sinh năm 1963; vợ: Thẩm Thị T4, sinh năm 1993 (đã ly hôn); con: Có 01 con; tiền sự: Không có.

Tiền án:

- Ngày 13/4/2022 bị Tòa án nhân dân huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng xử phạt 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản.

- Ngày 14/12/2023 bị Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng xử phạt 15 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản.

Nhân thân:

- Ngày 27/01/2016 bị Tòa án nhân dân huyện Quảng Uyên (nay là TAND khu vực 2 - Cao Bằng) xử phạt 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản.

- Ngày 29/12/2021 bị Công an thị trấn Q (nay là Công an xã Q, tỉnh Cao Bằng) xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Trộm cắp tài sản.

Bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/5/2025 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Phân Trại tạm giam T, Trại tạm giam Công an tỉnh Cao Bằng; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Hoàng Văn K, Nông Văn T2: Bà Đoàn Thị T5 - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cao Bằng; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Lương Thị L, sinh năm 1978. Trú tại: Xóm N, xã Đ, tỉnh Cao Bằng; có mặt.

- Người làm chứng: Ngôn Thị Q1, sinh năm 1988. Trú tại: Xóm L, xã L, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 12 giờ 06 ngày 09/5/2025, tại chốt kiểm soát Biên phòng Bản Thang, tổ công tác Đồn Biên phòng Cửa khẩu L1 chủ trì phối hợp với Đội Đặc nhiệm Phòng Phòng chống ma túy và tội phạm, Ban chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Cao Bằng, Công an xã M (nay là Công an xã L), Hải quan Cửa khẩu L2 phát hiện, bắt quả tang Nông Văn T, sinh năm 1990 và Hoàng Văn K, sinh năm 1999, cùng trú tại xóm N, xã Đ, tỉnh Cao Bằng có hành vi tàng trữ 01 gói giấy bạc màu vàng bên trong có chứa chất bột màu trắng. Vật chứng tạm giữ gồm: 01 gói chất bột trắng, 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, biển kiểm soát 11B1- 329.87 và 01 (một) chiếc điện thoại di động, nhãn hiệu Oppo. T và K khai nhận chất bột màu trắng là ma túy do T, K và Nông Văn B, sinh năm 1989, trú tại xóm N, xã Đ, tỉnh Cao Bằng cùng nhau góp tiền để nhờ Nông Văn T2, sinh năm 1987, trú tại xóm B - Khu Ổ, xã Đ, tỉnh Cao Bằng mua giúp về để cùng nhau sử dụng. Quá trình bắt quả tang, Nông Văn B ngồi sau xe đã bỏ trốn.

Đến 15 giờ 30 phút cùng ngày, Đồn Biên phòng Cửa khẩu L1 tiến hành khám xét khẩn cấp với Nông Văn T2 phát hiện, thu giữ 02 gói giấy bạc màu vàng bên trong có chứa chất bột màu trắng (T2 khai nhận là ma túy, loại heroin); 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Oppo và số tiền 400.000 đồng.

Ngày 10/5/2025, Cơ quan điều tra tiến hành khám xét chỗ ở trọ của K và T tại xóm L, xã L, tỉnh Cao Bằng phát hiện và tạm giữ 01 chiếc điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone 8 Plus đã qua sử dụng của K; khám xét chỗ ở của T không phát hiện và thu giữ đồ vật gì liên quan đến hành vi phạm tội.

Ngày 10/5/2025, Đồn Biên phòng Cửa khẩu L1 phối hợp với các cơ quan chức năng tiến hành cân xác định khối lượng các cục chất bột màu trắng đã thu giữ của K, T được 0,58 gam, số chất bột màu trắng thu giữ khi khám xét chỗ ở của T2 có khối lượng 0,21 gam. Tại Kết luận Giám định số 228/KL-KTHS, ngày 16/5/2025 của Phòng K1, Công an tỉnh Cao Bằng, kết luận toàn bộ chất bột màu trắng thu giữ là heroin.

Ngày 16/5/2025, Nông Văn B đến Cơ quan Công an đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội cùng với K và T góp 1.400.000 đồng nhờ T2 mua ma túy về cùng nhau sử dụng vào ngày 09/5/2025.

Quá trình điều tra xác định được như sau: Ngày 09/5/2025, bị can Nông Văn T, Hoàng Văn K, Nông Văn B cùng nhau đi chung một xe mô tô biển kiểm soát 11B1- 329.87 của K đến gần nhà Nông Văn Trình để nhờ T2 mua ma túy để cùng nhau sử dụng. Bộ góp 400.000 đồng, K góp 300.000 đồng, T góp 700.000 đồng, được tổng số tiền là 1.400.000 đồng. T là người cầm tiền đưa cho T2. T2 nhận tiền và lấy thêm 400.000 đồng của mình thành 1.800.000 đồng để mua ma túy. Sau khi nhận tiền, T2 nói B, K, T đến nhà bỏ hoang những lần trước thuộc xóm B - Khu Ổ, xã Đ đợi. Tại nhà bỏ hoang, trong lúc chờ đợi, T2 đi mua ma túy thì T lấy 02 mảnh giấy bạc trong ví của mình đưa cho B để Bộ chuẩn bị giấy để sử dụng trái phép chất ma túy.

T2 một mình đi vào xóm L, xã Đ mua ma túy với một người đàn ông không quen biết với số tiền 1.800.000 đồng. Ma túy mua với số tiền 1.400.000 đồng được để trong túi ni lông màu xanh, ma túy mua với số tiền 400.000 đồng của T2 được gói bằng giấy bạc màu vàng. T2 cất số ma túy mua được với số tiền 400.000 đồng vào trong túi quần của mình và quay lại nhà bỏ hoang ở xóm B - Khu Ô. Khi đến nơi thấy T, K và B đang ở trong nhà bỏ hoang, T2 đặt gói ma túy mua với giá 1.400.000 đồng xuống đất. B mở gói ma túy đã mua được ra. T đưa cho B tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng để B xúc chia ma túy ra 02 mảnh giấy bạc đã được chuẩn bị sẵn. Chia ma túy xong, T2 với B sử dụng ma túy chung trên một tờ giấy bạc; T và K sử dụng ma túy chung trên một tờ giấy bạc.

Sử dụng ma túy xong, B lấy mảnh giấy bạc màu vàng gói số ma túy còn lại, dùng túi ni lông của vỏ bao thuốc lá bọc phía ngoài và dùng nhiệt hàn kín lại rồi đưa cho T cầm đi về chỗ trọ.

Trước đó, T, K, B đã cùng nhau góp tiền 03 lần để nhờ T2 đi mua ma túy về cùng nhau sử dụng, cụ thể như sau:

Ngày 05/5/2025, B và K mỗi người góp 200.000 đồng, T góp 300.000 đồng.

Ngày 07/5/2025, B và K mỗi người góp 450.000 đồng, T góp 500.000 đồng.

Ngày 08/5/2025, B và K mỗi người góp 450.000 đồng, T góp 500.000 đồng.

Cả ba lần đều góp tiền đưa cho T cầm và T là người đưa tiền cho T2 để mua ma túy giúp. K và B mỗi người được liên lạc với T2 02 lần để nhờ T2 đi mua ma túy giúp. Khi nhận tiền thì T2 biết K, T và B đi mua ma túy về để sử dụng.

Sau khi mua được ma túy về thì các bị cáo cùng nhau sử dụng tại nhà bỏ hoang; T2 với B sử dụng ma túy chung trên một tờ giấy bạc, T và K sử dụng ma túy chung trên một tờ giấy bạc.

B được đốt giấy bạc chuẩn bị để sử dụng ma túy vào các ngày 05/5 và 09/5/2025. T được chuẩn bị giấy bạc để sử dụng ma túy vào ngày 07/5 và 08/5/2025.

Lần góp tiền mua ma túy vào ngày 05/5/2025, sau khi mua được ma túy về các bị cáo đã sử dụng hết.

Lần góp tiền mua ma túy vào ngày 07, 08 và 09/5/2025, sau khi mua được ma túy về, các bị cáo đã thống nhất sử dụng một phần ma túy và bị cáo K, T, B mang phần ma túy còn lại về chỗ trọ chia nhau theo tỷ lệ số tiền mỗi người góp khi mua. Số ma túy mang về chỗ trọ vào các ngày 07 và 08/5/2025, các bị cáo đã chia nhau để tự sử dụng riêng. B là người chia ma túy ra 03 gói, mỗi người tự mang đi để sử dụng.

Mỗi gói ma túy mang về chia nhau theo tỷ lệ đóng góp tiền mua ma túy vào các ngày 7/5, 08/5/2025, các bị cáo K, T và B sử dụng được thêm 03 (ba) lần nữa.

Địa điểm để tổ chức sử dụng ma túy đều do T2 chọn. Số ma túy thu giữ khi khám xét chỗ ở của T2 là số ma túy T2 mua vào ngày 08/5 và số ma túy đã mua được vào ngày 09/5/2025; mục đích Trình tàng trữ trái phép số ma túy này để bản thân sử dụng.

Kiểm tra điện thoại di động thu giữ đối với bị cáo K, T xác định trên messenger của K, T có liên lạc với nhau và liên lạc với messenger của B. Lịch sử cuộc gọi trong điện thoại di động của T2 xác định có các cuộc liên lạc với K, B. Lời khai của các bị cáo phù hợp với những tài liệu thu giữ được trong điện thoại di động của các bị cáo. Điện thoại của B đã bị rơi khi bỏ trốn.

Các bị cáo đều xác định vị trí sử dụng ma túy trong những lần tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy tại nhà hoang thuộc xóm B - Khu Ổ, xã Đ.

Ngày 03/9/2025, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Cao Bằng đã ban hành Quyết định chuyển vật chứng chuyển từ Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Cao Bằng đến Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 - Cao Bằng để xử lý theo quy định của pháp luật.

Hành vi của các bị cáo đã bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Cao Bằng lập hồ sơ đề nghị truy tố: Nông Văn T, Hoàng Văn K, Nông Văn T2 về Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, quy định tại điểm a khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự và Tội tàng trữ trái phép chất ma túy, quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Nông Văn B về Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, quy định tại điểm a, h khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự và Tội tàng trữ trái phép chất ma túy, quy định tại điểm o khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Bản cáo trạng số 20/CT-VKSKV3 ngày 05/9/2025 đã truy tố các bị cáo Nông Văn T, Hoàng Văn K, Nông Văn T2 về Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, quy định tại điểm a khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự và Tội tàng trữ trái phép chất ma túy, quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Nông Văn B về Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, quy định tại điểm a, h khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự và Tội tàng trữ trái phép chất ma túy, quy định tại điểm o khoản 2 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo Hoàng Văn K, Nông Văn T, Nông Văn T2, Nông Văn B thừa nhận nội dung Cáo trạng truy tố đúng với hành vi phạm tội, các bị cáo nghiện ma túy, mục đích mua ma túy về sử dụng cho bản thân, không có mục đích nào khác. Bị cáo K và B gọi điện nhờ bị cáo T2 mua ma túy; Bị cáo T2 là người trực tiếp đi mua ma túy, ngày 09/5/2025 số ma túy mua bằng tiền của bị cáo, bị cáo cất riêng mang về nhà để sử dụng cho bản thân; T được đưa tiền trực tiếp cho T2; Các bị cáo được tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy 04 lần; số ma túy còn lại, sau khi sử dụng, các bị cáo cất giữ mang về để sử dụng tiếp. Các bị cáo rất hối hận về hành vi của mình, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lương Thị L trình bày: Chiếc xe mô tô Exciter biển kiểm soát 11B1-329.78 trước đó gia đình chị mua với T6 là người trong xóm với giá 15.000.000 đồng; tiền mua xe là của chị, K mang xe đi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy chị không biết. Đề nghị trả lại chiếc xe trên cho gia đình chị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Cao Bằng giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: Bị cáo Hoàng Văn K, Nông Văn T, Nông Văn T2, Nông Văn B phạm tội: Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy và tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Về hình phạt đề nghị:

- Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, 38, 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Nông Văn T, Hoàng Văn K, Nông Văn T2 mỗi bị cáo từ 07 đến 08 năm tù.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, 38, 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nông Văn T, Hoàng Văn K mỗi bị cáo từ 12 đến 18 tháng tù.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nông Văn T2 từ 12 đến 18 tháng tù.

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt cả hai tội buộc các bị cáo Nông Văn T, Hoàng Văn K, Nông Văn T2 phải chấp hành hình phạt từ 08 năm đến 09 năm 06 tháng tù.

- Áp dụng điểm a, h khoản 2 Điều 255; điểm o khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, 38, 58, 55 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Nông Văn B từ 07 năm 03 tháng tù đến 08 năm 03 tháng tù về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy; từ 05 năm đến 06 năm tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Tổng hợp hình phạt cả hai tội buộc bị cáo chấp hành từ 12 năm 03 tháng đến 14 năm 03 tháng tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Việc xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị:

* Tịch thu tiêu hủy: Vật chứng là ma túy, 03 mảnh giấy bạc màu vàng.

* Trả lại cho bị cáo Nông Văn T2 400.000 đồng; trả lại cho bà Lương Thị L 01 chiếc xe Yamaha Exciter BKS 11B1 - 329.87.

* Tịch thu phát mại lấy tiền nộp ngân sách nhà nước: 01 chiếc điện thoại Iphone 8 plus; 01 chiếc điện thoại Oppo của bị cáo Nông Văn T; 01 chiếc điện thoại Oppo của bị cáo Nông Văn T2.

Bị cáo Nông Văn T2, Hoàng Văn K được miễn án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo Nông Văn B, Nông Văn T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa Đoàn Thị T5 trình bày luận cứ bào chữa cho các bị cáo Hoàng Văn K, Nông Văn T2: Nhất trí với cáo trạng và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, tình tiết giảm nhẹ đối với các bị cáo. Các bị cáo là

người dân tộc thiểu số, sinh sống vùng có điều kiện kinh tế khó khăn, phạm tội lần đầu, mục đích mua ma túy để sử dụng cho bản thân, không có mục đích khác. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo; các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử xử cho các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt các bị cáo Hoàng Văn K, Nông Văn T2 mức thấp nhất của hình phạt Viện kiểm sát đề nghị. Đề nghị miễn án phí cho các bị cáo Hoàng Văn K, Nông Văn T2.

Các bị cáo Hoàng Văn K, Nông Văn T2 không có lời bào chữa bổ sung; Bị cáo Nông Văn T, Nông Văn B không có ý kiến tranh luận.

Trong lời nói sau cùng, các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật, xử mức án nhẹ nhất Viện kiểm sát đề nghị để các bị cáo sớm được trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Cao Bằng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Cao Bằng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo: Xét lời khai của các bị cáo Hoàng Văn K, Nông Văn T, Nông Văn T2, Nông Văn B tại giai đoạn điều tra và tại phiên tòa là phù hợp nhau, phù hợp với Biên bản kiểm tra điện thoại, Biên bản bắt người phạm tội quả tang, Kết luận giám định và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thu thập đúng trình tự thủ tục tố tụng, như vậy có đủ căn cứ kết luận: Hồi 12 giờ 06 ngày 09/5/2025, tại Trạm kiểm soát biên phòng B1, tổ công tác Đoàn Biên phòng Cửa khẩu L1 chủ trì phối hợp với các lực lượng chức năng phát hiện, bắt quả tang Nông Văn T, sinh năm 1990 và Hoàng Văn K, sinh năm 1999, Nông Văn B, sinh năm 1989 có hành vi tàng trữ 0,58 gam ma túy, loại Heroine. Trước đó T, K, B cùng nhau góp 1.400.000 đồng giao cho Nông Văn T2 mua ma túy về cùng nhau sử dụng. Khám xét chỗ ở của Nông Văn T2 thu giữ 0,21 gam ma túy, loại Heroine.

Quá trình điều tra xác định: trong ngày 05, 07, 08 và 09/5/2025, các bị cáo T, K, B đã cùng nhau góp tiền nhiều lần nhờ T2 đi mua ma túy về cùng nhau tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Sau khi sử dụng, số ma túy còn lại T, K, B gói mang về chỗ trọ chia nhau để mỗi người tự sử dụng tiếp. Đối với Nông Văn

T2, ngày 09/5/2025, Trình tự bỏ ra 400.000 đồng để mua ma túy, số ma túy này T2 cất riêng mang về nhà để sử dụng cho bản thân.

Hành vi của các bị cáo Hoàng Văn K, Nông Văn T, Nông Văn T2 đã phạm vào tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy với tình tiết định khung phạm tội 02 lần trở lên quy định tại điểm a khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự.

Sau khi sử dụng ma túy, số ma túy còn lại các bị cáo mang về để sử dụng cho bản thân, số ma túy thu được của Nông Văn T, Hoàng Văn K, Nông Văn B là 0,58 gam heroine; khám xét thu giữ của Nông Văn T2 là 0,21 gam heroine. Hành vi của các bị cáo Nông Văn T, Hoàng Văn K, Nông Văn T2 đã phạm vào tội tàng trữ trái phép chất ma túy với tình tiết định khung quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Hành vi phạm tội của bị cáo Nông Văn B đã phạm vào tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy thuộc trường hợp phạm tội 02 lần trở lên và tái phạm nguy hiểm (đã tái phạm, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý) theo quy định tại điểm a, h khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Cao Bằng truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật đã viện dẫn nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

Mục đích các bị cáo mua ma túy về là để tổ chức sử dụng cho bản thân, ngoài ra không còn mục đích nào khác. Xét tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của các bị cáo là rất nghiêm trọng. Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm chính sách độc quyền quản lý về ma túy của Nhà nước, nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội và vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý. Mặt khác hành vi phạm tội của bị cáo còn gây mất trật tự trị an địa phương, gây dư luận xấu trong quần chúng nhân dân, cản trở cho cuộc đấu tranh phòng chống các tội phạm về ma túy của Đảng và Nhà nước ta, nên cần xử lý nghiêm khắc để làm gương cho người khác, đồng thời phục vụ công tác phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm ma túy ở địa phương.

[3]. Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

- Về nhân thân:

+ Các bị cáo Hoàng Văn K, Nông Văn T, Nông Văn T2 là người nghiện ma túy, chưa có tiền án, tiền sự;

+ Bị cáo Nông Văn B có nhân thân xấu, có 02 tiền án: Ngày 13/4/2022 bị Tòa án nhân dân huyện Quảng Hòa xử phạt 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; Ngày 14/12/2023 bị Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh xử phạt 15 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản.

Ngày 27/01/2016 bị Tòa án nhân dân huyện Quảng Uyên (nay là TAND khu vực 2 – Cao Bằng) xử phạt 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (đã được xóa

án tích); Ngày 29/12/2021 bị Công an thị trấn Q (nay là Công an xã Q, tỉnh Cao Bằng) xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Trộm cắp tài sản.

- *Về tình tiết tăng nặng*: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào theo quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

- *Về tình tiết giảm nhẹ*: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội; các bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, bị cáo Nông Văn B sau khi hành vi phạm tội bị phát hiện đã đến Cơ quan Công an đầu thú khai nhận hành vi phạm tội nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, đều là người thực hành. Bị cáo Hoàng Văn K, Nông Văn B, Nông Văn T, Nông Văn T2 đồng phạm về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy; bị cáo Hoàng Văn K, Nông Văn T, Nông Văn B đồng phạm về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy.

Các bị cáo Hoàng Văn K, Nông Văn T, Nông Văn T2 phạm tội lần đầu, có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên xử phạt các bị cáo ở mức khởi điểm của khung hình phạt cũng đủ tính nghiêm minh, răn đe, giáo dục pháp luật; bị cáo Nông Văn B có nhiều tiền án, lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm nên cần xử phạt bị cáo mức hình phạt nghiêm khắc mới đảm bảo tính nghiêm minh, răn đe, giáo dục pháp luật.

Xét mức hình phạt, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Cao Bằng đề nghị áp dụng đối với các bị cáo là phù hợp với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội nên cần được chấp nhận.

[4]. Hình phạt bổ sung:

Khoản 5 Điều 249 của Bộ luật Hình sự quy định: “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản*”.

Khoản 5 Điều 255 quy định: *Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, phạt quản chế, cấm cư trú từ 01 đến 05 năm hoặc tịch thu một phần, hoặc toàn bộ tài sản*.

Xét thấy bản thân các bị cáo là đối tượng nghiện ma túy, không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[5]. Việc xử lý vật chứng: Xét đề nghị xử lý vật chứng của vị đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, đúng pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận.

- Vật chứng ma túy là chất cấm và 03 mảnh giấy bạc màu vàng không có giá trị sử dụng thì tịch thu, tiêu hủy.

- Điện thoại các bị cáo sử dụng thực hiện hành vi phạm tội thì tịch thu phát mại lấy tiền nộp ngân sách Nhà nước.

- Trả lại cho chị Lương Thị Lệ C xe mô tô Yamaha Exciter BKS 11B1 - 329.87, khi Hoàng Văn K sử dụng chiếc xe này thực hiện hành vi phạm tội chị L không biết.

[6]. Các vấn đề khác: Về nguồn gốc số ma túy: Khi bị bắt bị cáo T2 khai nhận mua ma túy với người đàn ông không quen biết, do đó cơ quan điều tra không có căn cứ để mở rộng điều tra vụ án.

[7]. Về nghĩa vụ chịu án phí: Bị cáo Hoàng Văn K, Nông Văn T2 được miễn án phí hình sự sơ thẩm; các bị cáo Nông Văn T, Nông Văn B phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố:

Bị cáo Hoàng Văn K, Nông Văn T, Nông Văn T2, Nông Văn B phạm tội: Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy và tội Tàng trữ trái phép chất ma túy.

2. Về hình phạt:

- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm a khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, 38, 58, 55 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

+ Bị cáo **Hoàng Văn K** 01 năm tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy; 07 năm tù về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Tổng hợp hình phạt cả hai tội buộc bị cáo phải chấp hành là 08 năm tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam 09/5/2025.

+ Bị cáo **Nông Văn T** 01 năm tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy; 07 năm tù về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Tổng hợp hình phạt cả hai tội buộc bị cáo phải chấp hành là 08 năm tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam 09/5/2025.

+ Bị cáo **Nông Văn T2** 01 năm tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy; 07 năm tù về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Tổng hợp hình phạt cả hai tội buộc bị cáo phải chấp hành là 08 năm tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam 09/5/2025.

- Căn cứ điểm o khoản 2 Điều 249; điểm a, h khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, 38, 58, 55 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: **Nông Văn B** 05 năm tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy; 07 năm 03 tháng tù về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Tổng hợp hình phạt cả hai tội buộc bị cáo phải chấp hành là 12 năm 03 tháng tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam 16/5/2025.

3. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 (một) chiếc phong bì thư đã được niêm phong, mặt trước phong bì ghi: Số 228/KL-KTHS. Hoàn mẫu vụ Nông Văn T, Hoàng Văn K và Nông Văn T2 có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy; mặt sau phong bì niêm phong có chữ ký, họ tên của Phạm Anh T7, Nông Thị Minh N và đóng 04 (bốn) hình dấu tròn mực màu đỏ của Phòng K1 Công an tỉnh Cao Bằng.

+ 01 (một) chiếc phong bì thư đã được niêm phong, mặt trước phong bì ghi: Vật chứng 03 (ba) mảnh giấy bạc màu vàng vụ Tàng trữ trái phép chất ma túy, xảy ra ngày 09/5/2025 tại xóm B, xã M, huyện H, tỉnh Cao Bằng; mặt sau phong bì niêm phong có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong và đóng 04 (bốn) hình dấu tròn mực màu đỏ của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Cao Bằng.

- Tịch thu phát mại lấy tiền nộp ngân sách Nhà nước:

+ 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 Plus, màu vàng hồng, màn hình cảm ứng, số IMEI: 352978090616500, điện thoại đã qua sử dụng.

+ 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu xanh - đen, màn hình cảm ứng, số IMEI 1: 865073041186413; số IMEI 2: 865073041186405, điện thoại đã qua sử dụng.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu xanh trắng, màn hình cảm ứng đã bị bong tróc, nứt vỡ, số IMEI 1: 868048047688858; số IMEI 2: 868048047688841, điện thoại đã qua sử dụng.

- Trả lại các vật chứng, tài sản:

+ Trả lại cho bà Lương Thị L: 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter màu xanh đen, số máy G3D4B730148, số khung G0610JY01822, biển kiểm soát 11B1-329.78, xe đã qua sử dụng (kèm chìa khóa xe, phiếu trả lời xác minh xe và bản cà số khung, số máy).

- Trả lại cho bị cáo Nông Văn T2 400.000 đồng, số tiền này đã được chuyển vào tài khoản tạm giữ của Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng (STK: 3949.0.1054207.00000 mở tại Kho bạc Nhà nước khu vực VII - Phòng nghiệp vụ 2) theo giấy nộp tiền ngày 04/9/2025.

Xác nhận toàn bộ vật chứng nêu trên đã được chuyển giao cho Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 - Cao Bằng theo Biên bản giao nhận vật chứng số 104 ngày 09 tháng 9 năm 2025.

4. Về án phí:

Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Hoàng Văn K, Nông Văn T2 được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Nông Văn T, Nông Văn B phải chịu án phí hình sự sơ thẩm mỗi người 200.000 đồng nộp vào ngân sách Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo:

Căn cứ các Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Các bị cáo có quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Cao Bằng;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- CQ CSĐTCA tỉnh Cao Bằng;
- Phòng Hồ sơ CA tỉnh Cao Bằng;
- PC 10 CA tỉnh Cao Bằng;
- VKSND khu vực 3 - Cao Bằng;
- Phân trại tạm giam Trùng Khánh;
- THADS tỉnh Cao Bằng;
- Bị cáo; NCQLNVLQ;
- Lưu hồ sơ; Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Quang Toàn